

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2024.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh On.
2. Ông Lâm Thái Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Hoàng Kha, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Bích P, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 8, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 02 năm 2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đặng Bích P trình bày: Chị và anh T xây dựng hôn nhân vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống, có một người con chung là cháu Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 10/7/2015. Hiện nay cháu N đang sống cùng anh T. Về tài sản chung và nợ chung, không có.

Quá trình chung sống, chị và anh T không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau khiến cuộc sống tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn. Chị và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay mà không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Vì vậy, nay chị yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung, chị đồng ý giao cháu N cho anh T nuôi dạy, giáo dục. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh Nguyễn Văn T từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, anh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà anh T để tiến hành lấy lời khai nhưng không gặp anh T nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh T. Về con chung, giao cháu Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 10/7/2015 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không, không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị P phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Đặng Bích P nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Khi khởi kiện, anh T có địa chỉ tại ấp Tà Suôl, xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Đặng Bích P có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Đặng Bích P và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2015, quyền số 02/2014 ngày 15 tháng 5 năm 2015 nên hôn nhân giữa chị P và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Chị Đặng Bích P xác định quá trình chung sống, chị và anh T không cùng quan điểm sống nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được. Đồng thời, chị và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay mà không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 07 tháng 5 năm 2024, ông Lê Văn

Khoa là Trưởng ấp T, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu xác định “*anh T đang cư trú tại ấp T, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nhưng đang đi làm ở Sài Gòn nên không có mặt tại địa phương, lần gần nhất về địa phương là khoảng tháng 3 dương lịch, anh T về cùng cháu N. Anh T biết việc chị P yêu cầu ly hôn nhưng anh T xác định tuy chị P muốn ly hôn thì ly hôn, anh T không quan tâm. Hiện nay cháu N đang sống cùng anh T*”. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị P và anh T đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T biết chị P yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và cũng không thể hiện thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị P, điều này thể hiện thông qua việc Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T để hòa giải, xét xử nhưng anh T có thái độ bỏ mặc không đến hòa giải và xét xử. Do đó, chị P yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, chị P và anh T có 01 người con chung là cháu Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 10/7/2015. Hiện cháu N đang sống cùng anh T. Khi ly hôn chị P đồng ý giao cháu N cho anh T nuôi dạy, giáo dục. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Từ khi ly thân đến nay, cháu N sống cùng anh T, anh T vẫn chăm sóc cháu tốt, phát triển bình thường. Đồng thời, theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 26 tháng 02 năm 2024, cháu N cũng có nguyện vọng được sống cùng cha. Do vậy, cần giao cháu N cho anh T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đặng Bích P xác định quá trình chung sống, chị và anh T không có và chị P, anh T cũng không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Đặng Bích P phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Bích P với anh Nguyễn Văn T. Xử cho chị Đặng Bích P được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 10/7/2015 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Đặng Bích P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị Đặng Bích P cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đặng Bích P xác định không có, chị Đặng Bích P và anh Nguyễn Văn T đều không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Đặng Bích P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Đặng Bích P đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007522 ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- UBND xã L, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lệ Thu